

Số: 02/2024/QĐST-DS

P, ngày 22 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 14/5/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST - DS ngày 01 tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 14/5/2024, về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: 117 Q, thành phố V, tỉnh N;

Đại diện theo pháp luật: Bà H, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Như M, Chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP B - chi nhánh H;

Đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Trần Văn L, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh - Ngân hàng TMCP B - chi nhánh H;

Địa chỉ: Số 479 N, phường A, thành phố H, tỉnh H;

* *Bị đơn*:

+ Ông Trần Văn B, sinh năm 1963;

+ Bà Phạm Thị B1, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ: Bị đơn ông Trần Văn B và bà Phạm Thị B1 xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/5/2024 là 404.727.288 đồng (bốn trăm linh bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 40.396.736 đồng (bốn mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 4.129.147 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi

chín nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng), khoản phạt chậm trả lãi là 201.405 đồng (hai trăm linh một nghìn bốn trăm linh năm đồng).

Kể từ ngày 15/5/2024 cho đến khi thanh toán xong, ông B và bà B1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận như trong hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả.

2.2. Về thời hạn trả nợ: Hai bên đương sự thỏa thuận thống nhất bị đơn ông Trần Văn B và bà Phạm Thị B1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 14/5/2024 là 404.727.288 đồng (bốn trăm linh bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) và các khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP B trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày 22/5/2024.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Hết thời hạn nêu trên, trường hợp ông Trần Văn B và bà Phạm Thị B1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 3970/2021/HĐTC-BACABANK ngày 13/8/2021 để thu hồi nợ cho ngân hàng. Tài sản ông Trần Văn B và bà Phạm Thị B1 đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP B chi nhánh Hưng Yên là 01 thửa đất số 386, tờ bản đồ số 35, diện tích 795,9m², có địa chỉ: Thôn Hạ Cát, xã Tống Phan, huyện P, tỉnh Hưng Yên (đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CV 410316 ngày 11/5/2021 đứng tên chủ sử dụng ông Trần Văn B) và các tài sản gắn liền với quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Tài sản thế chấp nêu trên được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Hưng Yên. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm của ông B, bà B1 sau khi trừ đi các chi phí hợp lý cho việc xử lý tài sản thế chấp sẽ được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông B, bà B1 đối với ngân hàng TMCP B, bao gồm khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 14/5/2024 là 404.727.288 đồng (bốn trăm linh bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) và lãi suất phát sinh tiếp theo theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/5/2024. Số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm của ông B, bà B1 không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông B, bà B1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng, số tiền còn thừa sẽ được trả lại cho ông Trần Văn B và bà Phạm Thị B1.

2.4. Về án phí: Bị đơn ông Trần Văn B và bà Phạm Thị B1 phải chịu 10.094.546 đồng (mười triệu không trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng) nhưng ông B, bà B1 có đơn xin miễn, giảm án phí do là đối tượng người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án; miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn B và bà Phạm Thị B1, ông B và bà B1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí là 9.948.000 đồng (chín triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số BLTU/23/0000648, ngày 31/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh HY;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền